

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định khoảng cách từ nơi ở đến nơi công tác của các đối tượng được
thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy chế khu vực
biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được
sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân định vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 15/TTr-SXD ngày
13 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định khoảng cách từ nơi ở đến
nơi công tác của các đối tượng được thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách từ nơi ở đến nơi công tác của các đối
tượng được thuê nhà ở công vụ theo nội dung giao quy định chi tiết tại điểm b
khoản 4 Điều 30 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của

Luật Nhà ở được sửa đổi, bổ sung bởi điểm đ khoản 1 Điều 29 Nghị định 140/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng được thuê nhà ở công vụ theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thuê nhà ở công vụ.

Điều 3. Quy định khoảng cách từ nơi ở đến nơi công tác của các đối tượng được thuê nhà ở công vụ

1. Trường hợp đến công tác tại khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc đến công tác tại thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc địa bàn các xã theo quy định hoặc đến công tác tại địa bàn các xã, phường thuộc khu vực biên giới đất liền theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP: Khoảng cách từ nơi ở đến nơi công tác từ 10 (mười) km trở lên.
2. Đối với các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh: Khoảng cách từ nơi ở đến nơi công tác từ 30 (ba mươi) km trở lên.
3. Khoảng cách tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo chiều dài của lộ trình giao thông đường bộ ngắn nhất kết nối giữa các địa điểm có liên quan tại thời điểm xét duyệt hồ sơ thuê nhà ở công vụ.
4. Nơi ở được xác định là nơi đăng ký thường trú. Trường hợp có nhà thuộc sở hữu của mình có diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình trên 20 m² sàn/người và có khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến nơi công tác dưới 10 (mười) km với quy định tại khoản 1 Điều này, dưới 30 (ba mươi) km với quy định tại khoản 2 Điều này thì không thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng
 - a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
 - b) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định.
2. Người thuê nhà công vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác khoảng cách quy định tại Điều 3 trước khi đăng ký thuê nhà ở công vụ.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các trường hợp đã ký hợp đồng thuê nhà ở công vụ trước ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết

thời hạn hợp đồng đã ký. Trường hợp điều chỉnh nội dung trong hợp đồng hoặc chưa có hợp đồng thuê nhà ở công vụ thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 6 năm 2026.
2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phản ánh đến Sở Xây dựng đề tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
2. Trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quyết định này có thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới, cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7 QĐ;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lào Cai;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Báo và PT-TH tỉnh Lào Cai;
- Các phòng: KT, TH, NC, KG-VX, XD-TNMT thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD_(An).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trung Bá